

Bản án số: 123/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2023
V/v Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Quốc Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cơ Ba.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, về tranh chấp: “*Hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Huỳnh Thị T – sinh năm: 1990 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* anh Lê Văn U – sinh năm: 1979 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2023 và trong quá giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn U chung sống với nhau vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện, do quen biết, được cha mẹ hai bên thừa nhận, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Chánh vào ngày 16/7/2020.

Sau ngày cưới, chị và anh U sống chung với cha mẹ ruột anh U tại ấp Bà Phận, xã Trung Chánh, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế gia đình nên vợ chồng thường hay cự cãi nhau, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn. Chị và anh U đã ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn U.

- Về con chung: Không có nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản khai ý kiến bị đơn Lê Văn U trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh U không đồng ý ly hôn với chị T vì còn T vợ.

- Về con chung: Không có nên anh U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Anh U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Lê Văn U. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Xét thấy, chị T và anh U có xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh U theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh U chung sống với nhau vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện, do quen biết, được cha mẹ hai bên thừa nhận, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Chánh vào ngày 16/7/2020 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, chị T trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế gia đình nên vợ chồng thường hay cự cãi nhau, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn. Chị và anh U đã ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu T, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và thực hiện các công việc của gia đình. Thực tế, giữa chị T và anh U không còn quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Qua đó cho thấy, hôn nhân giữa chị T và anh U lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh U không có con chung. Khi ly hôn, chị T và anh U không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị T và anh U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, 51, 53; 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị T.

Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Lê Văn U.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Lê Văn U cùng xác định không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị Huỳnh Thị T và anh Lê Văn U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N⁰0009490 ngày 29/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Huỳnh Thị T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Quốc Hiếu

